

Số: 53/2017/QĐST-HNGĐ

A Lưới, ngày 14 tháng 9 năm 2017.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 41/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017, giữa:

- Người yêu cầu: Anh Nguyễn Tiến S, sinh năm 1983; địa chỉ: Thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi công tác: Đoàn Biên phòng Cửa khẩu H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Người yêu cầu: Chị Lê Thị Thanh L, sinh năm 1984; địa chỉ: Thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2017,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Tiến S và chị Lê Thị Thanh L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung: Vợ chồng công nhận có một đứa con chung tên là Nguyễn Lê Tuệ A, sinh ngày 04-9-2013. Cả hai thoả thuận giao cháu Nguyễn Lê Tuệ A cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến lúc trưởng thành; anh S cấp dưỡng nuôi con định kỳ

mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), kể từ khi có quyết định công nhận thuận tình ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh S được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

* Về tài sản chung, nợ chung: Anh S, chị L đều trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về lệ phí: Các đương sự thỏa thuận anh Nguyễn Tiến S chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000 đồng. Tổng cộng phải nộp là 450.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm mà anh S đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai số AA/2013/004118 ngày 14 tháng 8 năm 2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A Lưới, anh S còn phải nộp thêm 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; được bổ sung theo luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- P.KTNV và THA TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện A Lưới;
- CC THADS huyện A Lưới;
- UBND xã S, huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-AV.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hồ Văn Nhàn